

Bản án số: **73/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: **16-9-2020**

V/v “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hữu Đăng Thanh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Lớn

Ông Lê Văn Lương

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Huỳnh Thị Thúy Kiều** – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tham gia phiên tòa:

Ông Trần Thanh Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 177/2020/TLST-HNGĐ ngày 04/5/2020 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 73/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31/8/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Tổng Giang S**, sinh năm 1981

Cư trú tại: Thôn T, xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa.

Có mắt.

- Bị đơn: Bà **Trịnh Thu H**, sinh năm 198

Cư trú tại: TDP T, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hoà. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/3/2020, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Tống Giang S trình bày:

Ông và bà Trịnh Thu H đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện D vào năm 2018. Quá trình chung sống không hạnh phúc, hay kinh cãi do bà H thường xuyên bài bạc không có trách nhiệm với gia đình, ông đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng không được. Hơn nữa, từ tháng 8/2019 đến nay thì ông và bà H đã không sống chung với nhau. Nay ông không còn tình cảm với bà H nên xin ly hôn.

Con chung: không có.

Tài sản chung, nợ chung: ông S không yêu cầu tòa giải quyết.

Bị đơn bà Trịnh Thu H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên không có bản tự khai và không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tại phiên tòa sơ thẩm:

+ Về chấp hành pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân và nguyên đơn đã chấp hành đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn bà Trịnh Thu H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa nhận thấy có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Tống Giang S được ly hôn với bà Trịnh Thu H. Về con chung: không có. Về tài sản chung, nợ chung: Ông S không yêu cầu tòa giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Trịnh Thu H có hộ khẩu thường trú tại TDP T, phường N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Hiện bà H không có mặt tại địa phương vì đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nhà nên không đến Tòa để giải quyết vụ án. Tòa án đã tiến hành các thủ tục niêm yết và tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Do vậy, căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 207; khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

[2] Về nội dung vụ án: ông Tống Giang S và bà Trịnh Thu H tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện D, tỉnh Khánh Hòa đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hay kinh cãi do bà H chơi bài bạc, không có trách nhiệm với gia đình. Mặt khác, từ tháng 8/2019 vợ chồng ông S và bà H đã không sống chung với nhau, bà H đã bỏ về nhà mẹ ruột tại TDP T, phường N để sinh sống nên từ đó không ai quan tâm tới ai. Hơn nữa, bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình không đến tòa để giải quyết vụ án, chứng tỏ bà H không có thiện chí muốn hàn gắn hạnh phúc gia đình với ông S.

Hội đồng xét xử thấy rằng tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật

Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là phù hợp và thỏa đáng.

[3] Về con chung: ông S, bà H không có con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: ông S không yêu cầu tòa giải quyết.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí: ông Tống Giang S phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015;

Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 207, Điều 227; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 5, Điều 27 Nghị quyết án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Ông Tống Giang S được ly hôn bà Trịnh Thu H.

Về con chung: ông S, bà H không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: ông S không yêu cầu tòa giải quyết.

2. Về án phí: Ông Tống Giang S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2018/0009360 ngày 28/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa. Ông S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- UBND xã Diên Sơn
- GKH số 101 ngày 2018;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

NGUYỄN HỮU ĐĂNG THANH